TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **307**/2024/HC-PT
Ngày: 30/7/2024
V/v: *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Đinh Phước Hoà**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 113/TLPT-HC ngày 22 tháng 04 năm 2024 về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1261/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện*:** ông Nguyễn Thanh D; địa chỉ cư trú: thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố N**, tỉnh Khánh Hoà**

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N**, tỉnh Khánh Hoà**

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Sỹ K; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Đại D1; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hoà; địa chỉ: số D L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền số 9685/UBND-TNMT ngày 20/11/2023);vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Bà Nguyễn Diệu H; chức vụ: Phó trưởng Phòng T1, Ủy ban nhân dân thành phố N;vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị Bích L; chức vụ: Nhân viên Phòng T1, Ủy ban nhân dân thành phố N; có mặt.

+ Ông Phạm Hải T và ông Bùi Quốc P; chức vụ: nhân viên Ban Q xây dựng các công trình giao thông; địa chỉ: số A N, phường T, thanh phố N, tỉnh Khánh Hòa; ông T có mặt, ông P vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trường Nhật N; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Ngọc C; chức vụ: Công chức địa chính Ủy ban nhân dân xã V; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã V; địa chỉ trụ sở: T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh H1; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Ngọc C; chức vụ: Công chức địa chính Ủy ban nhân dân xã V (theo giấy ủy quyền số 311/UBND ngày 11/3/2024); có mặt.

* *Người kháng cáo*: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hoà và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hoà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện ông Nguyễn Thanh D *trình bày:*

Thực hiện dự án Hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N (đoạn qua xã V), Ủy ban nhân dân thành phố N đã thu hồi của ông Nguyễn Thanh D thửa đất số 484, tờ bản đồ số 07, diện tích 150m² (ONT), tại xã V, thành phố N. Đất được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00775 QSDĐ/VT-NT ngày 12/11/2001 theo Quyết định thu hồi đất số 3596/QĐ-UBND ngày 11/11/2011 và được bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2011. Tuy nhiên, từ năm 2011 cho đến nay, Ủy ban nhân dân thành phố N không giao đất tái định cư cho gia đình Ông theo quy định.

Năm 2017, Ông có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân thành phố N yêu cầu xem xét giải quyết. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N đã có ý kiến chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã V và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án tiến hành kiểm tra, xác minh đối với trường hợp của Ông. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân xã V đã có Công văn số 1826/UBND ngày 30/11/2017 xác định: *"Ông* Nguyễn Thanh D *đang ở nhờ tại căn nhà cùng với mẹ là bà* Cao Thị Ngọc H2. *Ngoài địa chỉ nêu trên ông* Nguyễn Thanh D *không có đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất ở nào khác trên địa bàn* xã V *và hiện không còn chỗ ở, đang ở nhờ nhà người khác";*

Ban Q có Công văn số: 08/BQLNN-GPMB ngày 05/01/2018, xác định: *"Căn cứ nội dung xác minh của* UBND xã V *tại Công văn số 1826/UBND và* Văn phòng

Đ, Chi nhánh N1 *tại Công văn số 19972/CNTN ngày 08/12/2017 nêu trên thì trường hợp hộ ông* Nguyễn Thanh D *đủ điều kiện để được xét giao một lô tái định cư"*.

Tại các buổi làm việc với Ông, Ban Q; Phòng T1, UBND xã V; Đảng ủy xã V đã vận động và yêu cầu ông có đơn đề nghị tạm dừng việc khiếu nại, để vụ việc này UBND thành phố N sẽ xem xét giải quyết sau nhưng cho đến nay, trường hợp của ông vẫn chưa được giải quyết.

Ngày 28/02/2022, Ông tiếp tục khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N với nội dung yêu cầu giao 01 lô đất tái định cư theo quy định. Đến ngày 28/7/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Công văn số 5221/UBND-TNMT ngày 28/7/2022 với nội dung: *"Năm 2011, quá trình thực hiện hồ sơ thu hồi đất, bồi thường giải tỏa thực hiện dự án Hệ thống thoát lũ từ* cầu P về đầu sông T *(đoạn qua* V*) thì trường hợp của ông không có nhà ở trên thửa đất bị thu hồi, không khó khăn về nhà ở (cùng năm gia đình ông đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án) do đó Hội đồng bồi thường không xem xét giải quyết tái định cư cho gia đình ông"*.

Ngày 09/8/2022, Ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố N. Đến ngày 14/4/2023, UBND thành phố N mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1954/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của Ông với lý do là không có cơ sở giải quyết. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố N là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Theo quy định tại Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Điều 13, 14 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 48 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Điều 19 Nghị định số 69/2009 ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; điểm 4 khoản 4 Điều 2 Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009; Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 quy định:

"*Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở, được bồi thường về đất ở nhưng hiện không ở tại thửa đất bị thu hồi thì được xét giao một lô đất tái định cư khi có một trong các điều kiện sau:*

a) Diện tích đất ở bị thu hồi tối thiểu phải bằng diện tích đất đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định và người bị thu hồi đất hiện đang ở nhờ nơi khác hoặc đang ở nhà thuê, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận hiện không có chỗ ở ổn định nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi. (Nhà thuê để ở hoặc nhà ở nhờ thì không gọi là chỗ ở ổn định)…".

Theo kết quả xác minh của UBND xã V, nội dung công văn của Ban Q và công văn của Chi nhánh Văn phòng Đ1 thì ông đủ điều kiện theo quy định trên để được bố trí đất tái định cư.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy toàn bộ Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

- Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1954/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành quyết định bồi thường và giao đất tái định cư cho ông D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh D rút yêu cầu khởi kiện về hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

2. Tại các Công văn số 9686/UBND-TNMT và số 9687/UBND-TNMT ngày 20/11/202 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện UBND thành phố N *và Chủ tịch* UBND thành phố N *trình bày:*

1) Về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của UBND thành phố N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Nguyễn Thanh D, thuộc diện giải tỏa do bị ảnh hưởng bởi dự án Hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N (đoạn qua xã V).

Trong quá trình thực hiện dự án, hộ ông Nguyễn Thanh D có đất nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án Hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N. Mục đích thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ lợi ích công cộng theo quy định tại Điều 40 Luật Đất đai 2003. Trước khi ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tiến hành việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chức niêm yết công khai, lấy ý kiến theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2003; Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh K về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 về việc sửa đổi bổ sung một số điều tại Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh K về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 245/XN-UBND ngày 24/5/2011 của UBND xã V: thì thửa đất bị thu hồi của ông Nguyễn Thanh D, thu hồi toàn bộ diện tích đất 150,2m² (tăng 0,2 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do sai số đo đạc), không có tài sản công trình trên thửa đất bị thu hồi.

UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3209/QĐ- UBND ngày 14/10/2011 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối

với hộ gia đình ông Nguyễn Thanh D là đúng theo quy định. Việc ông Nguyễn Thanh D yêu cầu hủy toàn bộ quyết định trên là không có cơ sở.

2) Về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1954/QĐ-UBND ngày 14/4/2023:

Ông Nguyễn Thanh D khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N yêu cầu giải quyết bố trí cho gia đình ông 01 lô đất tái định cư. Qua xác minh nội dung khiếu nại như sau:

- Căn cứ Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 245/XN-UBND ngày 24/5/2011 của UBND xã V thì thửa đất bị thu hồi của ông Nguyễn Thanh D, thu hồi toàn bộ diện tích đất 150,2m² (tăng 0,2m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do sai số đo đạc), không có tài sản công trình trên thửa đất bị thu hồi.

- Căn cứ Điều 42 Luật Đất đai 2003; khoản 1 Điều 41 Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh K về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và điểm 1 khoản 13 Điều 2 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 về việc sửa đổi bổ sung một số điều tại Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh K về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trường hợp hộ ông Nguyễn Thanh D, bị thu hồi toàn bộ diện tích đất ở 150m², do không có nhà ở trên thửa đất bị thu hồi và không phải di chuyển chỗ ở nên không được xem xét bố trí đất tái định cư là đúng quy định trên. UBND thành phố N quyết định thu hồi đất của ông Nguyễn Thanh D năm 2011 nên áp dụng quy định có hiệu lực tại thời điểm này là Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND, để xét bố trí đất tái định cư cho người bị thu hồi đất. Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K là có hiệu lực thi hành sau thời điểm UBND thành phố N thu hồi đất của ông D nên không áp dụng quy định này để bố trí đất tái định cư cho ông D.

Vì vậy, Quyết định số 1954/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh D (lần đầu) là đúng theo quy định nên việc ông Nguyễn Thanh D yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1954/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã V *không có ý kiến trình bày.*

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 12/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà quyết định: căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 193; khoản 1 Điều 30 và Điều 32, Điều 116, Điều 158 Luật tố tụng hành chính; Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; điểm 4 khoản 4 Điều 2 Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm

theo Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh K; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của người khởi kiện về hủy Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1954/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh D.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố N giao 01 lô đất tái định cư cho ông Nguyễn Thanh D.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/3/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà, Ủy ban nhân dân thành phố N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 20/3/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N:

[2.1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố N; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1954/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N; buộc Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành quyết định bồi thường và giao đất tái định cư cho ông D. Đây là các quyết định hành chính, hành

vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà thụ lý giải quyết vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện trong thời hạn quy định tại các Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Xét điều kiện được giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ đất ở:

Trong quá trình thực hiện Dự án Hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N, hộ ông Nguyễn Thanh D có đất nằm trong phạm vi bị thu hồi để thực hiện Dự án. Ngày 14/10/2011 và ngày 11/11/2011, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 3209/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Nguyễn Thanh D, thuộc diện giải tỏa do bị ảnh hưởng bởi dự án Hệ thống thoát lũ từ cầu P về đến đầu sông T, thành phố N (đoạn qua xã V) và Quyết định số 3596/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ thửa đất số 484, tờ bản đồ số 07, diện tích 150m² (ONT), tại xã V, thành phố N; đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00775 QSDĐ/VT-NT ngày 12/11/2001 đứng tên ông Nguyễn Thanh D.

Hội đồng xét xử xét thấy, các văn bản pháp luật đất đai có hiệu lực pháp luật tại thời điểm UBND thành phố N thu hồi đất của ông D, quy định cụ thể về nguyên tắc bồi thường, tái định cư cho người có đất bị thu hồi như sau:

Tại Điều 42 Luật Đất đai 2003 quy định:

"Điều 42. Bồi thường, tái định cư cho người có đất bị thu hồi

1. Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 43 của Luật này.

2. Người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi".

Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, hỗ trợ, tái định cư:

"2. Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất; trường hợp bồi thường bằng việc giao đất mới hoặc giao đất ở tái định cư hoặc nhà ở tái định cư, nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thanh toán bằng tiền theo quy định sau:

a) Trường hợp tiền bồi thường, hỗ trợ lớn hơn tiền sử dụng đất ở hoặc tiền mua nhà ở tại khu tái định cư thì người tái định cư được nhận phần chênh lệch;

b) Trường hợp tiền bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn tiền sử dụng đất ở hoặc tiền mua nhà ở tái định cư thì người tái định cư phải nộp phần chênh lệch, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này".

Theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất:

"Điều 18. Các trường hợp được bố trí tái định cư

Hộ gia đình, cá nhân khi bị Nhà nước thu hồi đất ở thì được bố trí tái định cư trong các trường hợp sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư).

2. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi".

Đối chiếu các quy định nêu trên thấy rằng, hộ gia đình ông Nguyễn Thanh D bị thu hồi toàn bộ diện tích 150m² đất ở nông thôn, tại xã V, thành phố N, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi Nhà nước thu hồi đất thì được bố trí tái định cư bằng lô đất mới có cùng mục đích sử dụng. Do đó, việc UBND thành phố N không bố trí tái định cư cho gia đình ông D là không thực hiện đúng chính sách pháp luật đất đai của Nhà nước khi thu hồi đất.

[2.2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã V, Ban Q cũng thể hiện quan điểm đối với trường hợp của hộ ông Nguyễn Thanh D đủ điều kiện bố trí tái định cư. Tại Công văn số 1826/UBND ngày 30/11/2017, UBND xã V xác định: *"Ông* Nguyễn Thanh D *đang ở nhờ tại căn nhà cùng với mẹ là bà* Cao Thị Ngọc H2. *Ngoài địa chỉ nêu trên ông* Nguyễn Thanh D *không có đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất ở nào khác trên địa bàn* xã V *và hiện không còn chỗ ở, đang ở nhờ nhà người khác".* Tại Công văn số 08/BQLNN-GPMB ngày 05/01/2018, Ban Q xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Q xác định: *"Căn cứ nội dung xác minh của* UBND xã V *tại Công văn số 1826/UBND và* Văn phòng Đ, Chi nhánh N1 *tại Công văn số 19972/CNTN ngày 08/12/2017 nêu trên thì trường hợp hộ ông* Nguyễn Thanh D *đủ điều kiện để được xét giao một lô tái định cư".*

Cũng theo quy định tại điểm 4 khoản 4 Điều 2 Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh K quy định: "*Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở, được bồi thường về đất ở nhưng hiện không ở tại thửa đất bị thu hồi thì được xét giao một lô đất tái định cư khi có một trong các điều kiện sau: a) Diện tích đất ở bị thu hồi tối thiểu phải bằng diện tích đất đủ điều*

kiện xây dựng nhà ở theo quy định và người bị thu hồi đất hiện đang ở nhờ nơi khác hoặc đang ở nhà thuê, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận hiện không có chỗ ở ổn định nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi…".

Như vậy, hộ ông Nguyễn Thanh D chỉ có 01 thửa đất ở nông thôn nhưng đã bị Nhà nước thu hồi, hiện đang phải ở nhờ nhà người khác nên nhu cầu sử dụng đất của hộ ông D là đúng với thực tế xác nhận của UBND xã V. Đối chiếu các quy định pháp luật được viện dẫn ở trên, có căn cứ khẳng định hộ ông Nguyễn Thanh D đủ điều kiện để được Nhà nước bố trí tái định cư sau khi bị thu hồi đất. Tuy nhiên, kể từ sau khi có quyết định thu hồi đất, hộ ông D không được UBND thành phố N thực hiện chính sách tái định cư theo quy định nên đã liên tục khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bố trí cho gia đình ông 01 lô đất tái định cư để đảm bảo cuộc sống. Ủy ban nhân dân thành phố N cho rằng trường hợp hộ ông Nguyễn Thanh D bị thu hồi toàn bộ diện tích đất ở 150m², do không có nhà ở trên thửa đất bị thu hồi và không phải di chuyển chỗ ở nên không được xem xét bố trí đất tái định cư, ý kiến của người bị kiện là hoàn toàn trái với các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành về chính sách bố trí tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân khi có đất bị Nhà nước thu hồi. Vì vậy, nội dung khiếu nại của ông D là hoàn toàn chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Do đó, cần phải huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1954/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N; buộc Ủy ban nhân dân thành phố N thực hiện chính sách tái định cư cho hộ ông D theo đúng quy định pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D là có căn cứ.

Như vậy, nội dung kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nhưng không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N;

- Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 12/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

2. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 193; khoản 1 Điều 30 và Điều 32, Điều 116, Điều 158 Luật tố tụng hành chính; Áp dụng: Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy

hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, hỗ trợ, tái định cư; Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; điểm 4 khoản 4 Điều 2 Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1954/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh D.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa giao 01 lô đất tái định cư cho ông Nguyễn Thanh D.

3. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, mỗi đương sự phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000424 và 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu 0000425 cùng ngày 04/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà. Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đức Kiên